

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59A/2022/QĐXX-ST ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1991

Quê quán: Xóm 3x, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An

Hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Bùi Trọng L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị Vân A có mặt, anh L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Vân A có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 chị và anh Bùi Trọng L đã được Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 130/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2017.

Sau đó, vì con cái, anh chị quay về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại vào ngày 08/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn lại, vợ chồng chung sống ở nhà bà nội anh L ở Thôn G, xã A, huyện Q. Vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình dẫn tới vợ chồng xảy ra cãi cọ lẫn nhau. Chị đã nhiều lần cho anh L cơ hội để sửa đổi nhưng anh L không thay đổi. Nay chị Vân A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Trọng L.

Về con chung: Chị Vân A xác nhận chị và anh L có 02 con chung là Bùi Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012 và Bùi Phúc L1, sinh ngày 02/6/2019. Hiện con Phúc L1 chị gửi về bà ngoại ở xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An nuôi dưỡng, chăm sóc, chị chu cấp cho con. Con Bùi Ngọc M vẫn sinh hoạt, ăn uống cùng ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh L) ở thôn G, xã A còn buổi tối con M sang ở cùng chị để chị kèm học tập. Hiện con M học tập tại trường tiểu học xã A. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con L, để anh L nuôi con M, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Vân A cũng trình bày hiện tại chị không có thai nghén gì. Chị đang làm công nhân tại công ty cổ phần Đô Lương, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vân A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, đến trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, anh L không tham gia tố tụng. Tại phiên họp ngày 08/8/2022 anh L có nộp bản tự khai và trình bày ý kiến tại phiên họp như sau:*

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Vân A trình bày là đúng, vợ chồng anh đã từng giải quyết ly hôn tại Tòa án vào năm 2017 sau đó vợ chồng lại quay lại chung sống tại nhà bà nội anh ở thôn G, xã A, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Nay chị Vân A xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn lớn và anh vẫn còn tình cảm với chị Vân A. Trường hợp chị Vân A cương quyết ly hôn, anh để chị tự quyết định.

Về con chung: Đúng như chị Vân A trình bày. Nếu phải ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con Bùi Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012, để chị Vân A nuôi dưỡng con Bùi Phúc L1, sinh ngày 02/6/2019. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kết quả xác minh với người thân của anh Bùi Trọng L và cơ sở thôn G, xã A, huyện Q đều có nội dung phù hợp với lời khai của chị Vân A và anh L. Tại biên bản*

lấy lời khai của con chung Bùi Ngọc M, ngày 17/6/2022, con Bùi Ngọc M có nguyện vọng được ở với mẹ.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn về cơ bản chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Vân A và anh Bùi Trọng L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Qnên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Vân A và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ít quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị Vân A xin ly hôn, anh L xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hoá giải mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Vân A và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị Vân A được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Vân A và anh L có 02 con chung là Bùi Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012 và Bùi Phúc L1, sinh ngày 02/6/2019. Chị Vân A có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Phúc L1 để anh L nuôi dưỡng con Bùi Ngọc M. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh L cũng thống nhất quan điểm nuôi con như chị Vân A trong trường hợp Tòa án giải quyết ly

hôn. Xét thấy con chung Nguyễn Phúc L1 còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, hiện cũng đang sống cùng bà ngoại ở Nghệ An. Còn con chung Nguyễn Ngọc Minh đã sinh sống, học tập ổn định tại thôn Gia Hoà 2, xã An Vinh được bố mẹ, ông bà nội cùng chăm sóc chu đáo. Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con chung cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Bùi Ngọc M cho anh Lâm trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Bùi Phúc L1 cho chị Vân A nuôi dưỡng. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vân A và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Bùi Trọng L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Phúc L1, sinh ngày 02/6/2019 và giao anh Bùi Trọng L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004715 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Vân A đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Trọng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng